



## CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỜI GIAN TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN: TRƯỜNG HỢP CỦA SINH VIÊN KHOA KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Hữu Đăng<sup>1</sup>, Lê Tín<sup>1</sup>, Bùi Diên Giàu<sup>1</sup>, Nguyễn Hồng Thoà<sup>1</sup>, Hà Mỹ Trang<sup>1</sup>,  
Lê Trần Phước Huy<sup>1</sup>, Đặng Thị Ánh Dương<sup>1</sup> và Hồ Hữu Phương Chi<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ

### Thông tin chung:

Ngày nhận: 18/05/2014

Ngày chấp nhận: 29/08/2014

### Title:

Factors affecting students' time spent on self-study: A case of students at School of Economics and Business Administration, Can Tho university

### Từ khóa:

Sử dụng 2 giờ tự học, tự học, sinh viên tự học, thời gian tự học, Khoa Kinh tế - Quản trị Kinh doanh

### Keywords:

Two self-study hours, self-study, self-study activities of students, self study time, School of Economics and Business Administration

### ABSTRACT

This study is aimed at identifying factors affecting students' time on self-study at School of Economics and Business Administration (SEBA) based on a survey of 523 observations in April 2014. According to the statistical results, on average, students spent 2.45 hours on self-study per one classroom hour. However, there was a large variability among students in time spending on self-study of 0.26 - 4.32 hours per a classroom hour. The results of multiple regression revealed that some factors such as the grades of the university entrance exam, cumulative grade point average and group assignments positively affecting student time spent on self-study while the number of credits enrolled, part-time job had negative impact on student's time spent on self-study. In addition, the study also found that students had not utilized well the supported facilities for self-study yet (PCs, internet). The study recommended that further promoting the roles of class academic advisors in enhancing academic consulting activities for students; course evaluation methods should be considered to promote self-study of students

### TÓM TẮT

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian tự học của sinh viên Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh được thực hiện dựa trên bộ dữ liệu khảo sát từ 523 sinh viên vào tháng 4/2014. Kết quả thống kê cho thấy, sinh viên sử dụng 2,45 tiết tự học cho 1 tiết lên (50 phút). Tuy nhiên, có sự biến thiên lớn giữa các sinh viên trong việc dành thời gian tự học, từ 0,26 - 4,32 tiết tự học/1 tiết lên lớp. Kết quả phân tích hàm hồi quy đa biến cho thấy, các yếu tố như điểm đầu vào đại học, điểm trung bình tích lũy trong thời gian học đại học, bài tập nhóm có ảnh hưởng tích cực đến việc sử dụng thời gian tự học của sinh viên; trong khi đó, các yếu tố như số lượng tín chỉ đăng ký học, đi làm thêm, học vượt tiến độ làm cho thời gian tự học của sinh viên sẽ ít đi. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng phát hiện, sinh viên chưa khai thác tốt các cơ sở vật chất hỗ trợ tự học (máy tính cá nhân, internet) cho tự học. Các giải pháp được đề xuất bao gồm: phát huy tích cực vai trò của cố vấn học nhằm nâng cao chất lượng tư vấn cho sinh viên; phát huy tinh thần nhiệt huyết và trách nhiệm của giảng viên trong cải tiến phương pháp đánh giá học phần sẽ giúp sinh viên sử dụng nhiều thời gian cho tự học hơn.

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình đào tạo phải được tổ chức sao cho mỗi sinh viên có thể tìm được một cách học phù hợp nhất với mình, học chế tín chỉ đã đáp ứng được yêu cầu này và đã được nhiều trường đại học trên toàn thế giới áp dụng. Một đặc điểm quan trọng của học chế tín chỉ là để chuẩn bị cho một giờ học trên lớp, sinh viên phải có ít nhất 2 giờ tự học ở ngoài lớp. Thời lượng của các học phần trong học chế tín chỉ thường được cắt nhỏ, do đó thời gian trình bày kiến thức bị hạn chế, việc tự học của sinh viên trở nên vô cùng quan trọng.

Trong lịch sử giáo dục ở Việt Nam, yếu tố tự học luôn được đề cao và khuyến khích. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy là “về cách học phải lấy tự học làm cốt”, “Giáo dục là là quốc sách hàng đầu, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm và đề cao yếu tố tự học”. Nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười có viết trong thư gửi Hội thảo Khoa học Nghiên cứu và Tự học như sau “Chất lượng và hiệu quả giáo dục được nâng lên khi tạo ra được năng lực sáng tạo của người học, khi biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục. Quy mô giáo dục được mở rộng khi có phong trào toàn dân tự học”. Nghị quyết Hội nghị lần hai, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã khẳng định: “Đổi mới mạnh mẽ phương pháp Giáo dục Đào tạo... bảo đảm điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, nhất là sinh viên đại học; phát biểu mạnh mẽ phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp trong toàn dân, nhất là thanh niên”. Luật Giáo dục (2005) chỉ rõ: “Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học thời gian tự học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên”.

Có nhiều cách hiểu khác nhau về tự học. Nguyễn Cảnh Toàn và *ctv* (2002) cho rằng “Tự học là tự mình động não, suy nghĩ, sử dụng các năng lực trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp...) và có khi cả cơ bắp (khi phải sử dụng công cụ) cùng các phẩm chất của mình, rồi cả động cơ, tình cảm, cả nhân sinh quan, thế giới quan (như trung thực, khách quan có chí tiến thủ không ngại khó...) để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó thành sở hữu của mình”.

Tuy nhiên, ngoài giờ lên lớp, sinh viên có rất nhiều hoạt động khác nhau ngoài tự học như hoạt động chính trị xã hội, hoạt động văn hóa văn nghệ, hoạt động thể dục thể thao, hoạt động vui chơi giải trí và hoạt động tạo thu nhập. Có rất nhiều yếu tố vừa chủ quan, vừa khách quan ảnh hưởng đến việc

sử dụng thời gian ngoài giờ lên lớp của sinh viên. Các yếu tố chủ quan bao gồm nhận thức của sinh viên, tính kế hoạch, sự nỗ lực thực hiện kế hoạch, khả năng tham gia; còn các yếu tố khách quan bao gồm điều kiện cơ sở vật chất, môi trường, mục tiêu đào tạo của trường đại học, quy định của nhà trường về việc đánh giá kết quả làm việc ngoài giờ của sinh viên. Đối với hoạt động tự học, có sự khác biệt rõ ràng giữa những sinh viên các trường khác nhau, ở các nơi cư trú, giới tính trong việc sử dụng thời gian ngoài giờ lên lớp cho việc tự học.

Theo Gettinger (1985), kiến thức và kỹ năng của sinh viên trước khi vào trường đại học có tác động tích cực đến năng lực tự học và khả năng tiếp thu kiến thức của sinh viên. Glaser (1991), việc thiết kế chương trình đào tạo theo hướng tối thiểu hóa thời gian dạy trên lớp có tác dụng tối ưu hóa quá trình tự học của sinh viên. Nghiên cứu của Walberg và Tsai (1984), thời gian sinh viên dành cho tự học có tương quan nghịch với thời gian dự học trên lớp. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Vossensteyn (2009), sinh viên có thời gian đi làm thêm càng nhiều thì thời gian dành cho học tập càng ít và kết quả học tập của sinh viên càng kém và thậm chí bỏ học.

Bắt đầu từ năm học 2007-2008, Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) triển khai áp dụng học chế tín chỉ đối với tất cả các ngành và khóa đào tạo. Đây là lần đầu tiên Trường ĐHCT áp dụng học chế tín chỉ một cách triệt để theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường ĐHCT luôn quan tâm đến việc đổi mới dạy học để nâng cao chất lượng đào tạo. Hoạt động tự học của sinh viên nhận được nhiều sự quan tâm của Đảng bộ và Chính quyền các cấp của nhà Trường trong nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên. Mục tiêu của nghiên cứu này là nhằm đánh giá thực trạng về sử dụng thời gian tự học của sinh viên; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian tự học của sinh viên; và đề xuất các giải pháp nhằm tạo điều kiện, khai thác hợp lý thời gian tự học của sinh viên.

## 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Số liệu

Số liệu bao gồm 523 quan sát được điều tra vào tháng 4/2014 bằng bảng câu hỏi phỏng vấn trực tiếp sinh viên chính quy của Khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ, bao gồm các sinh viên đang học năm thứ nhất đến năm thứ

tự tại Trường. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên theo các lớp học phần của sinh viên năm thứ 2 – 4, có giờ học trong tuần cuối tháng 4. Các thông tin trong bảng câu hỏi bao gồm các thông tin về cá nhân sinh viên, phương tiện sinh sống và học tập, phân bổ thời gian trung bình cho các hoạt động học tập trong tuần ở học kỳ II năm học 2013-2014.

**2.2 Phương pháp phân tích**

Dựa trên các nghiên cứu của Walberg và Tsai (1984), Gettinger (1985), Glaser (1991) và (Vossensteyn, 2009), các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian tự học của sinh viên được tổng hợp từ 3 nhóm yếu tố bao gồm năng lực và điều kiện cá nhân của sinh viên, hoạt động đào tạo và cơ sở vật chất hỗ trợ tự học. Để xác định mối quan hệ giữa các yếu tố này với thời gian tự học của sinh viên, nghiên cứu này sử dụng mô hình hồi quy đa biến. Mô hình có dạng sau:

$$Y_i = \beta_0 + \sum_{j=1}^{13} \beta_j X_{ji} + \epsilon_i \quad (1)$$

Trong đó:

Y là biến phụ thuộc - thời gian tự học của sinh viên, được đo lường bằng hệ số tiết tự học trên một tiết lên lớp (50 phút). Hệ số này được tính bằng cách lấy tổng số thời gian bình quân dành cho hoạt động tự học trong một tuần chia tổng số thời gian lên lớp trong tuần. Thời gian tự học bao gồm thời gian làm bài tập nhóm, thời gian xem bài trước và sau khi lên lớp, thời gian tìm kiếm tài liệu, học tập từ internet, thư viện.

X<sub>ji</sub> (j = 1, 2, ..., 13) là biến độc lập – các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian tự học của sinh viên bao gồm các yếu tố về đặc điểm cá nhân và năng lực của sinh viên (giới tính, nơi ở, loại sinh viên, điểm đậu đại học, điểm trung bình tích lũy, thâm niên học tập tại trường, làm thêm ngoài giờ); các yếu tố về hoạt động đào tạo (kế hoạch học tập, số tín chỉ đăng ký trong một học kỳ, tỷ lệ học phần có làm bài tập nhóm trong tổng số học phần trong học kỳ đăng học); và các yếu tố về cơ sở vật chất hỗ trợ tự học (máy tính cá nhân, internet). Các biến độc lập (X<sub>j</sub>) được mô tả ở Bảng 1.

**Bảng 1: Mô tả tóm tắt các biến độc lập trong mô hình hồi quy đa biến**

X <sub>j</sub>	Tên biến	Giải thích
X <sub>1</sub>	Giới tính	Biến giả. Nam = 1; Nữ = 0
X <sub>2</sub>	Nơi ở của SV	Biến giả. SV ở ký túc xá = 1; các trường hợp khác = 0
X <sub>3</sub>	Điểm đậu Đại học	Tổng số điểm đậu vào Đại học
X <sub>4</sub>	Hệ đào tạo	Biến giả. Sinh viên chính quy = 1; sinh viên khác = 0 (liên thông chính quy, bằng 2)
X <sub>5</sub>	Năm học Đại học	Thâm niên của SV đang học ở bậc Đại học (năm)
X <sub>6</sub>	Điểm trung bình tích lũy	Điểm trung bình tích lũy, đo lường theo thang điểm 4
X <sub>7</sub>	Làm thêm	Số giờ làm thêm của sinh viên trong tuần (giờ).
X <sub>8</sub>	Kế hoạch học tập nhanh	Biến giả. Nếu có kế hoạch học tập ngắn hơn 8 học kỳ chính = 1; các trường hợp khác = 0
X <sub>9</sub>	Kế hoạch học tập chậm	Biến giả. Nếu có kế hoạch học tập kéo dài hơn 8 học kỳ chính = 1; các trường hợp khác = 0
X <sub>10</sub>	Số tín chỉ	Số tín chỉ đăng ký học ở HK hiện tại (tín chỉ).
X <sub>11</sub>	Tỷ lệ HP có BT nhóm	Tỷ lệ số học phần có yêu cầu làm bài tập nhóm trên tổng số học phần (%).
X <sub>12</sub>	Máy tính cá nhân	Biến giả. Nếu SV có máy tính cá nhân = 1, không có = 0
X <sub>13</sub>	Internet	Biến giả. Nếu nhà ở của sinh viên có internet = 1; không có = 0

**3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

**3.1 Đặc điểm, quá trình học tập và cơ sở vật chất phục vụ tự học của sinh viên**

Kết quả phân tích thống kê về các đặc điểm cá nhân, quá trình học tập và cơ sở vật chất phục vụ tự học của sinh viên được mô tả ở Bảng 2.

Trong 523 sinh viên được khảo sát, sinh viên nữ chiếm 74%, các sinh viên được khảo sát chủ

yếu đang học năm thứ 2 và năm 3, trong đó sinh viên chính quy chiếm 84%, còn lại là các sinh viên liên thông chính quy và bằng 2. Điểm trung bình tích lũy đến thời điểm khảo sát của sinh viên là 2,92/4,0; sinh viên ở trọ trong ký túc xá của Trường chiếm 17%, ngoài trường chiếm 83%. Bên cạnh đó, có khoảng 21% sinh viên được khảo sát có đi làm thêm, phần lớn các sinh viên thuộc về sinh viên liên thông chính quy. Số sinh viên được khảo sát có máy tính cá nhân chiếm 85%, đồng

thời có 84% sinh viên ở trọ tại nơi có kết nối internet. Điều này cho thấy cơ sở vật chất hỗ trợ tự

học và điều kiện tiếp cận thông tin từ internet của sinh viên là khá tốt.

**Bảng 2: Đặc điểm, quá trình học tập và cơ sở vật chất hỗ trợ tự học của sinh viên được khảo sát năm 2014**

Tên biến	Trung bình	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Độ lệch chuẩn
Giới tính*	0,26	0	1	0,44
Nơi ở của SV*	0,17	0	1	0,37
Điểm đầu Đại học	17,58	11	25	2,31
Hệ đào tạo*	0,84	0	1	0,37
Năm học Đại học	2,37	1	4	0,92
Điểm trung bình tích lũy	2,92	1	3,92	0,41
Làm thêm*	0,21	0	1	0,41
Kế hoạch học tập nhanh*	0,70	0	1	0,46
Kế hoạch học tập chậm*	0,02	0	1	0,13
Số tín chỉ	17,47	8	25	2,69
Tỷ lệ HP có BT nhóm	0,57	0,23	0,80	0,24
Máy tính cá nhân*	0,85	0	1	0,36
Internet*	0,84	0	1	0,37

\* Số trung bình của biến giả cũng chính là phần thập phân (hay %) của đối tượng nhận giá trị 1

Nguồn: Số liệu khảo sát tháng 4/2014

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, có 70% sinh viên xây dựng kế hoạch học tập dưới 8 học kỳ chính của chương trình đào tạo 4 năm (120 tín chỉ), đa số sinh viên dự kiến hoàn chỉnh chương trình học trong thời gian 3,5 năm, trong khi đó chỉ có 2% sinh viên xây dựng kế hoạch học tập kéo dài trên 4 năm. Tại học kỳ đang học (học kỳ 2 năm học 2013-2014), sinh viên đăng ký học trung bình là 17,47 tín chỉ, một số sinh viên đang học học kỳ cuối có số tín chỉ đăng ký tới mức tối đa theo quy định là 25 tín chỉ. Trong các học phần sinh viên đang học, có 57% số học phần có yêu cầu làm bài tập

nhóm bên cạnh các hình thức đánh giá học phần khác.

### 3.2 Thời gian tự học của sinh viên

Thời gian tự học của sinh viên là quỹ thời gian ngoài giờ lên lớp được sinh viên sử dụng cho các hoạt động ngoài lớp học như làm bài tập nhóm, thu thập dữ liệu, đọc tài liệu trước và sau khi lên lớp, đọc tài liệu từ internet, thư viện,... Kết quả khảo sát về thời gian tự học trung bình của sinh viên được trình bày ở Bảng 3.

**Bảng 3: Hệ số số tiết tự học trên số tiết lên lớp của sinh viên được khảo sát năm 2014**

*DVT: số tiết tự học/1 tiết lên lớp*

Hoạt động	Trung bình	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Độ lệch chuẩn
<b>Hoạt động tự học</b>				
Làm bài tập nhóm	0,62	0,00	3,30	0,50
Đọc tài liệu trước ở nhà	0,35	0,00	2,80	0,33
Xem lại bài sau khi lên lớp	0,73	0,00	3,80	0,55
Tìm tài liệu, học trên mạng	0,49	0,00	4,00	0,48
Vào thư viện	0,26	0,00	2,25	0,32
Tổng cộng	2,45	0,26	4,32	2,31

N = 523 quan sát

Nguồn: Số liệu khảo sát tháng 4/2014

Kết quả phân tích thống kê cho thấy, sinh viên giành 2,45 tiết để tự học cho 1 tiết lên lớp. Như vậy, thời gian tự học của sinh viên đạt yêu cầu của hệ thống đào tạo theo tín chỉ (1 giờ lên lớp, 2 giờ tự học). Tuy nhiên, xét về cơ cấu thời gian dành cho các hoạt động tự học thì có 55% (1,35/2,45 tiết)

thời gian tự học của sinh viên dành cho làm bài tập nhóm và xem lại bài sau khi lên lớp. Phát hiện này cho thấy, hoạt động tự học của sinh viên chủ yếu gắn liền với các hoạt động đánh giá học phần. Thời gian sinh viên dành cho xem tài liệu trước giờ lên lớp chỉ chiếm 10% thời gian tự học. Phát hiện này

cho thấy, hoạt động học tập của sinh viên khá thụ động, chủ yếu học những gì sau khi được dạy, được hướng dẫn.

Kết quả thống kê cũng cho thấy, giá trị độ lệch chuẩn của tất cả các chỉ tiêu đều rất lớn, gần bằng với giá trị trung bình, tức có sự biến thiên (độ lệch) về việc sử dụng thời gian cho các hoạt động tự học giữa các sinh viên là rất lớn, đặc biệt hoạt động tham gia làm bài tập nhóm có độ lệch chuẩn rất cao thể hiện hoạt động tham gia làm bài tập nhóm giữa các thành viên trong nhóm chưa đồng đều, có sinh viên sử dụng đến 3,3 tiết làm bài tập nhóm cho 1 tiết lên lớp trong khi có sinh viên không dành

thời gian cho hoạt động này. Đây cũng là hạn chế chung của đánh giá theo nhóm nếu các biện pháp kiểm soát chưa chặt chẽ và ý thức tự giác học tập chưa cao.

### 3.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian tự học của sinh viên

Dữ liệu đã được kiểm tra và khắc phục các hiện tượng tự tương quan (autocorrelation), đa cộng tuyến (multicollinearity) và phương sai thay đổi (heteroskedasticity) trước khi đưa vào phân tích bởi Stata 13, kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian tự học của sinh viên được trình bày ở Bảng 4.

**Bảng 4: Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian tự học của sinh viên**

Biến độc lập	Hệ số $\beta$	Sai số chuẩn (SE)	P-value
Hằng số (constant)	3,648***	0,753	0,000
Giới tính ( $X_1$ )	-0,253**	0,115	0,028
Nơi ở ( $X_2$ )	0,384***	0,147	0,009
Điểm đầu Đại học ( $X_3$ )	0,069***	0,027	0,007
Hệ đào tạo ( $X_4$ )	0,357**	0,173	0,039
Năm học đại học ( $X_5$ )	0,041 <sup>ns</sup>	0,072	0,565
Điểm trung bình tích lũy ( $X_6$ )	0,528***	0,125	0,000
Đi làm thêm ( $X_7$ )	-0,074*	0,036	0,051
Kế hoạch học tập nhanh ( $X_8$ )	-0,019*	0,009	0,087
Kế hoạch học tập chậm ( $X_9$ )	0,177 <sup>ns</sup>	0,289	0,539
Số tín chỉ đăng ký học ( $X_{10}$ )	-0,136***	0,028	0,000
Tỷ lệ học phần có BT nhóm ( $X_{11}$ )	0,020**	0,008	0,033
Máy tính cá nhân ( $X_{12}$ )	0,113 <sup>ns</sup>	0,131	0,389
Internet ( $X_{13}$ )	-0,118 <sup>ns</sup>	0,130	0,385
$R^2 = 55,46\%$			
Prob > F = 0,0000			

<sup>ns</sup> Không có ý nghĩa thống kê; \* Có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 10%; \*\* Có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5%; \*\*\* Có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1%

Kết quả phân tích ở Bảng 3 cho thấy, các yếu tố thuộc về đặc điểm cá nhân và hoạt động đào tạo có ảnh hưởng đến thời gian tự học của sinh viên. Bên cạnh đó, các biến trong nhóm yếu tố về phương tiện hỗ trợ tự học đều không có ý nghĩa thống kê. Phát hiện này cho thấy, sinh viên chưa khai thác tốt các phương tiện hỗ trợ tự học (máy tính cá nhân, internet) cho các hoạt động tự học.

Biến giới tính cho thấy, sinh viên nam có thời gian tự học ít hơn sinh viên nữ. Bên cạnh đó, sinh viên ở ký túc xá của nhà trường giành nhiều thời gian tự học hơn sinh viên ở nơi khác. Kết quả này thể hiện môi trường học tập và phong trào học tập của sinh viên ở ký túc xá sôi động hơn các nơi khác. Với hệ số dương của biến điểm đầu vào đại học cho thấy những sinh viên có điểm thi đại học

đầu vào càng cao thì khả năng tự học càng lớn. Kết quả này hàm ý rằng chất lượng đầu vào thể hiện năng lực tự học của sinh viên. Phát hiện này được khẳng định thêm khi biến điểm trung bình tích lũy cũng có hệ số tương quan thuận với thời gian tự học, nghĩa là các sinh viên càng giỏi, càng dành nhiều thời gian tự học hơn. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng phát hiện những sinh viên có tỷ lệ học phần được yêu cầu làm bài tập nhóm càng nhiều thì dành nhiều thời gian tự học hơn sinh viên khác.

Ngược lại, việc đi làm thêm giờ đã ảnh hưởng đến thời gian tự học của sinh viên, những sinh viên có đi làm thêm, thời gian tự học ít hơn sinh viên không đi làm thêm. Phát hiện này tương tự như nghiên cứu của Vossensteyn (2009). Bên cạnh đó, những sinh viên lập kế hoạch tập nhanh, có số tín

chỉ đăng ký học càng nhiều thì thời gian tự học sẽ càng ít.

Qua phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian tự học của sinh viên cho thấy hoạt động tự học của sinh viên phụ thuộc vào năng lực cá nhân của sinh viên, chất lượng đầu vào, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá học phần, tiến độ học tập của sinh viên. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng phát hiện, sinh viên chưa khai thác tốt các sở vật chất hỗ trợ hoạt động tự học, tự làm giàu kiến thức cho mình.

#### 4 KẾT LUẬN

Nghiên cứu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian tự học của sinh viên Khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh được thực hiện dựa trên bộ dữ liệu khảo sát từ 523 sinh viên. Kết quả thống kê cho thấy, hoạt động tự học của sinh viên đảm bảo tốt yêu cầu của hoạt động đào tạo theo hệ thống tín chỉ (2 tiết tự học cho 1 tiết lên lớp). Kết quả phân tích hàm hồi quy đa biến cho thấy, thời gian tự học của sinh viên phụ thuộc vào năng lực cá nhân của sinh viên, chất lượng đầu vào, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá học phần, tiến độ học tập của sinh viên. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng phát hiện, sinh viên chưa khai thác tốt các sở vật chất hỗ trợ cho hoạt động tự học, tự làm giàu thêm kiến thức cho mình. Nghiên cứu khuyến nghị, cố vấn học tập cần đánh giá sâu sát năng lực học tập của sinh viên trước khi cho sinh viên xây dựng, điều chỉnh kế hoạch học tập để học vượt tiến độ của chương trình. Bên cạnh đó, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá học phần là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến tự học của sinh viên, giáo viên cần hướng dẫn cho sinh viên tự học phần kiến thức bổ sung có liên quan đến học phần giảng dạy và có phương pháp đánh giá thích hợp cho hoạt động tự học này. Việc tổ chức bài tập nhóm phải đi kèm với các biện pháp quản lý tính tham gia của các thành viên trong nhóm. Bên cạnh đó, cố vấn học tập và các đoàn thể cần tăng cường hướng dẫn sinh viên sử dụng cơ sở vật chất phục vụ tự học (máy tính cá nhân, internet). Sự tham gia tích cực của cố vấn học tập và tinh thần nhiệt huyết của giảng viên là nền tảng căn bản giúp sinh viên cải thiện chất lượng tự học, tự nâng cao, mở rộng kiến thức của mình để đáp ứng yêu cầu chất lượng lao động ngày càng cao của xã hội.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abdullah, Mardziah Hayati (2001), *Self-Directed Learning*, ERIC Digest.
2. Dominique Rabine-Bucknor (2010), *Adult Teaching and Learning: Self-Directed Learning*, Application Paper, Colorado State University.
3. I.F. Kharlamop (1978), *Phát huy tính tích cực học tập của học sinh như thế nào*, Tập I, II, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Gettinger, M. (1985) Time allocation and time spent relative to time needed for learning as determinants of achievement, *Journal of Educational Psychology*.
5. Glaser, R. (1991). The maturing of the relationship between the science of learning and cognition and educational practice. *Learning and instruction*, J. 129-144.
6. Lê Công Triêm (2001), *Bồi dưỡng thời gian tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên đại học*, Tạp chí Giáo dục, số 8, tr 30 – 35.
7. Nguyễn Cảnh Toàn (chủ biên), Nguyễn Kỳ, Vũ Văn Táo, Bùi Tường (1997), *Quá trình dạy - tự học*, NXB Giáo dục, Hà Nội
8. Vossensteyn, H. (2009). Challenges in Student Financing: State Financial Support to Students – A Worldwide Perspective. *Higher Education in Europe* 34, no. 2: 171-187.
9. Walberg, H.J., & Tsai, S.L. (1985). Correlates of reading achievement and attitude: A national assessment study. *Journal of Educational Research*, 1& (3), 159-167.